

PHỤ LỤC 8-D

**BIỂU CAM KẾT CỬ THỂ
VIỆT NAM¹**

¹ Vì mục đích của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-Hàn Quốc, không quy định nào trong Biểu cam kết cụ thể của một Bên - phụ lục của Chương Thương mại dịch vụ được hiểu là dành sự đối xử kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó đã cam kết tại Biểu cam kết cụ thể - phụ lục của Hiệp định Thương mại dịch vụ thuộc Hiệp định khung và Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Chính phủ các nước thành viên ASEAN và Hàn Quốc.

Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện của thể nhân

Ngành và phân ngành

Hạn chế tiếp cận thị trường

Hạn chế đối xử quốc gia

Cam kết bổ sung

I. CAM KẾT CHUNG

TẤT CẢ CÁC NGÀNH VÀ PHẦN NGÀNH TRONG BIỂU CAM KẾT

| | (3) Không hạn chế, ngoại trừ: | (3) Không hạn chế, ngoại trừ: | |
|--|---|--|--|
| | <p>Trừ khi có quy định khác tại từng ngành và phân ngành cụ thể của Biểu cam kết này, doanh nghiệp nước ngoài được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh², doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.</p> <p>Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam nhưng các văn phòng đại diện không được tham gia vào các hoạt động sinh lợi trực tiếp³.</p> <p>Chưa cam kết việc thành lập chi nhánh, trừ khi có quy định khác tại từng ngành và phân ngành cụ thể của Biểu cam kết này.</p> <p>Các điều kiện về số hữu, hoạt động, hình thức pháp nhân và phạm vi hoạt động được quy định tại giấy phép thành lập hoặc cho phép hoạt động và cung cấp dịch vụ, hoặc các hình thức chấp thuận tương tự khác, của nhà cung cấp dịch vụ nước</p> | <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p>Các khoản trợ cấp có thể chỉ dành cho các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam, nghĩa là các pháp nhân được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc một vùng của Việt Nam. Việc dành trợ cấp một lần để thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cổ phần hóa không bị coi là vi phạm cam kết này. Chưa cam kết đối với các khoản trợ cấp dành cho nghiên cứu và phát triển. Chưa cam kết đối với các khoản trợ cấp trong các ngành y tế, giáo dục và nghệ thuật. Chưa cam kết đối với các khoản trợ cấp nhằm nâng cao phúc lợi và tạo công ăn việc làm cho đồng bào thiểu số.</p> | |

² Hợp đồng hợp tác kinh doanh là văn bản ký kết giữa hai hay nhiều bên (trong đó ít nhất một bên phải là pháp nhân Việt Nam và một bên phải là pháp nhân nước ngoài) để tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam, trong đó quy định trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh của mỗi bên mà không thành lập pháp nhân.

³ Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hoạt động thương mại, dù lịch nhưng không được tham gia vào các hoạt động sinh lợi trực tiếp.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|-------------------------|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p>ngoài đang hoạt động tại Việt Nam sẽ không bị hạn chế hơn so với mức thực tế tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực.</p> <p>Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thuê đất để thực hiện dự án đầu tư của mình. Thời hạn thuê đất phải phù hợp với thời hạn hoạt động của các doanh nghiệp này, được quy định trong giấy phép đầu tư. Thời hạn thuê đất sẽ được gia hạn khi thời gian hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền gia hạn.</p> <p>Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép góp vốn dưới hình thức mua cổ phần trong các doanh nghiệp Việt Nam. Trong trường hợp góp vốn dưới hình thức mua cổ phần trong các ngân hàng thương mại cổ phần và với những ngành không cam kết trong Biểu cam kết này, tổng mức vốn cổ phần do các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trong một doanh nghiệp không được vượt quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó, trừ khi luật pháp Việt Nam có quy định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép.</p> <p>Với các ngành và phân ngành khác đã cam kết trong Biểu cam kết này, mức cổ phần do các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ khi mua cổ phần tại doanh nghiệp Việt Nam</p> | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|--|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p>phải phù hợp với các hạn chế về tỷ lệ tham gia vốn của nước ngoài được quy định trong các ngành và phân ngành đó, bao gồm cả hạn chế dưới dạng thời gian chuyển đổi, nếu có.</p> | | |
| | <p>(4) Chưa cam kết, trừ các biện pháp liên quan đến nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân thuộc các nhóm sau:</p> <p>(a) <u>Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp</u></p> <p>Các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia, như được định nghĩa dưới đây, của một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam, di chuyển tạm thời trong nội bộ doanh nghiệp sang hiện diện thương mại này và đã được doanh nghiệp nước ngoài tuyên dụng trước đó ít nhất 1 năm, được phép nhập cảnh và lưu trú trong thời gian ban đầu là 3 năm và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của các đơn vị này tại Việt Nam. Ít nhất 20% tổng số các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia phải là công dân Việt Nam. Tuy nhiên, mỗi doanh nghiệp nước ngoài sẽ được phép có tối thiểu 3 nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia không phải là người Việt Nam.</p> | <p>(4) Chưa cam kết, trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường.</p> | |
| | <p>Nhà quản lý, Giám đốc điều hành là những người trực tiếp quản lý doanh</p> | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|-------------------------|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p> nghiệp nước ngoài đã thiết lập hiện diện thương mại tại Việt Nam, chi chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo chung từ hội đồng quản trị hoặc các cố đồng của doanh nghiệp hoặc cấp tương đương; quản lý doanh nghiệp bao gồm việc chỉ đạo doanh nghiệp đó hoặc một phòng, ban hoặc một đơn vị trực thuộc của hiện diện thương mại, giám sát và kiểm soát công việc của các nhân viên chuyên môn, nhân viên quản lý hoặc nhân viên giám sát khác, có quyền thuê và sa thải hoặc kiến nghị thuê, sa thải hoặc các hoạt động về nhân sự khác. Các nhà quản lý, giám đốc điều hành này không trực tiếp thực hiện các công việc liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của hiện diện thương mại. </p> <p> Chuyên gia là thể nhân làm việc trong một tổ chức, là người có trình độ chuyên môn cao và có kiến thức về dịch vụ, thiết bị nghiên cứu, kỹ thuật hay quản lý của tổ chức đó. Để đánh giá kiến thức này, cần xem xét không chỉ kiến thức cụ thể đối với hình thức hiện diện thương mại đó mà phải xem xét cả việc người đó có kỹ năng hoặc chuyên môn cao liên quan đến thương mại hoặc một loại công việc đòi hỏi kiến thức chuyên ngành hay không. Chuyên gia có thể bao gồm, nhưng không chỉ bao gồm, các thành viên của một ngành nghề chuyên môn được cấp phép. </p> | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|-------------------------|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p>(b) <u>Nhân sự khác</u></p> <p>Các nhà quản lý, giám đốc điều hành và chuyên gia, như được định nghĩa ở mục (a) trên đây, mà người Việt Nam không thể thay thế, do một doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam tuyên dụng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam để tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp này trên lãnh thổ Việt Nam, được phép nhập cảnh và lưu trú theo thời hạn của hợp đồng lao động có liên quan hoặc trong một thời gian lưu trú ban đầu là 3 năm, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn và sau đó có thể được gia hạn tùy thuộc vào thời hạn của hợp đồng lao động giữa họ với hiện diện thương mại này.</p> <p>(c) <u>Người chào bán dịch vụ</u></p> <p>Là những người không sống tại Việt Nam và không nhận thù lao từ bất cứ nguồn nào tại Việt Nam, tham gia vào các hoạt động liên quan đến việc đại diện cho một nhà cung cấp dịch vụ để đàm phán tiêu thụ dịch vụ của nhà cung cấp đó, với điều kiện: (i) không được bán trực tiếp dịch vụ đó cho công chúng và (ii) người chào bán không trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ. Thời gian lưu trú của những người chào bán dịch vụ này không được quá 90 ngày.</p> | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|--|-------------------------|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p>(d) Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại</p> <p>Là các nhà quản lý và giám đốc điều hành (như định nghĩa tại mục (a) ở trên) của một pháp nhân, chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại của một nhà cung cấp dịch vụ của một nhà Việt Nam, với điều kiện (i) những người này không tham gia trực tiếp vào việc bán hàng hay cung cấp dịch vụ; và (ii) nhà cung cấp dịch vụ đó có địa bàn kinh doanh chính tại lãnh thổ của một Bên khác không phải Việt Nam và chưa có bất kỳ hiện diện thương mại nào khác ở Việt Nam. Thời hạn lưu trú của những người này là không quá 90 ngày.</p> <p>(e) Nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng (CSS)</p> <p>Các thể nhân làm việc trong một doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể nhập cảnh và lưu trú tại Việt Nam trong thời hạn 90 ngày hoặc theo thời hạn hợp đồng, tùy thời hạn nào ngắn hơn, nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp nước ngoài đã có hợp đồng dịch vụ với một doanh nghiệp Việt Nam hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể thiết lập các thủ tục cần thiết để bảo đảm | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới | (2) Tiêu dùng ở nước ngoài | (3) Hiện diện thương mại | (4) Hiện diện của thể nhân | Cam kết bổ sung |
|--|--|--------------------------|----------------------------|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | | |
| | <p> tính xác thực của hợp đồng. - Những người này phải có: (a) bằng đại học hoặc chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật chứng nhận có kiến thức tương đương; (b) tình độ chuyên môn, nếu cần, để thực hiện công việc trong lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật Việt Nam; và (c) ít nhất 5 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực này. - Số lượng các thể nhân quy định trong hợp đồng không được nhiều hơn mức cần thiết để thực hiện hợp đồng do pháp luật quy định và theo yêu cầu của Việt Nam. - Những người này đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất hai năm và phải đáp ứng các điều kiện đối với “chuyên gia” như đã mô tả ở trên. Những người này được cảnh để cung cấp dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính (CP 841-845, 849) và dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672). </p> | | | |

Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện của thể nhân

Ngành và phân ngành

Hạn chế tiếp cận thị trường

Hạn chế đối xử quốc gia

Cam kết bổ sung

II. CAM KẾT CỤ THỂ CHO TỪNG NGÀNH

1. CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH

A. Dịch vụ chuyên môn

| | | | |
|---|---|--|--|
| (a) Dịch vụ pháp lý (CPC 861, không bao gồm : <ul style="list-style-type: none">- tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hay đại diện cho khách hàng của mình trước Tòa án Việt Nam;- Dịch vụ giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam). | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Tổ chức luật sư nước ngoài ⁴ được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức sau: <ul style="list-style-type: none">- Chi nhánh của tổ chức luật sư nước ngoài;- Công ty con của tổ chức luật sư nước ngoài;- Công ty luật nước ngoài⁵;- Công ty hợp danh giữa tổ chức luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam. Hiện diện thương mại của tổ chức luật sư nước ngoài được phép tư vấn luật Việt Nam nếu luật sư tư vấn đã tốt nghiệp đại học luật của Việt Nam và đáp ứng được các yêu cầu áp dụng cho luật sư hành nghề tương tự của Việt Nam. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | |
| | (4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết trừ các cam kết chung. | |

⁴ “Tổ chức luật sư nước ngoài” là tổ chức của các luật sư hành nghề do một hoặc nhiều luật sư hoặc công ty luật nước ngoài thành lập ở nước ngoài dưới bất kỳ hình thức công ty thương mại nào (kể cả hãng luật, công ty luật, trách nhiệm hữu hạn, công ty luật cổ phần v.v.).

⁵ Công ty luật nước ngoài là tổ chức do một hoặc nhiều tổ chức luật sư nước ngoài thành lập tại Việt Nam với mục đích hành nghề luật ở Việt Nam.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | | |
|---|--|--|--|--------------------------------|--|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | | Hạn chế đối xử quốc gia | |
| (b) Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán (CPC 862) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (c) Dịch vụ thuế (CPC 863) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (d) Dịch vụ kiến trúc (CPC 8671) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của Hàn Quốc. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của Hàn Quốc. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (e) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật (CPC 8672) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của Hàn Quốc. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của Hàn Quốc. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Không hạn chế, ngoại trừ việc cung cấp dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành phải được Chính phủ Việt Nam cho phép ⁶ . (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (f) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật đồng bộ (CPC 8673) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của Hàn Quốc. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Doanh nghiệp nước ngoài phải là pháp nhân của Hàn Quốc. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Không hạn chế, ngoại trừ việc cung cấp dịch vụ liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị-nông thôn, quy hoạch phát triển ngành phải được Chính phủ Việt Nam cho phép ⁶ . (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |

⁶ Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì các lý do an ninh quốc gia và trật tự công cộng, biện minh được bằng Điều XIV và XIV bis của GATS.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|--|---|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| (g) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị (CPC 8674) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. Vì lý do an ninh quốc gia và ổn định xã hội, tại một số địa bàn, theo quy định của Chính phủ Việt Nam, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có thể không được phép cung cấp dịch vụ này. ⁷ | |
| (i) Dịch vụ thú y (CPC 932) ⁸ | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Chỉ dành quyền tiếp cận thị trường cho thể nhân cung cấp dịch vụ chuyên môn với tư cách cá nhân, sau khi đã được phép của cơ quan quản lý về thú y. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| B. Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan (CPC 841-845, CPC 849) | | | | |
| | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| C. Dịch vụ nghiên cứu và phát triển | | | | |
| | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường hợp chỉ nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |

⁷ Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì các lý do an ninh quốc gia và trật tự công cộng, biện minh được bằng Điều XIV và XIV bis của GATS.

⁸ Phạm vi cam kết không bao gồm việc lưu giữ giống vi sinh vật dùng trong thú y.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|--|--|--|---|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| (a) | Dịch vụ nghiên cứu và phát triển đối với khoa học tự nhiên (CPC 851) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| E. Dịch vụ cho thuê không kèm người điều khiển | | | | |
| (b) | Dịch vụ cho thuê máy bay (CPC 83104) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| (d) | Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác (CPC 83109) | (1) Không hạn chế ⁹ . (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế ¹⁰ , ngoại trừ cho phép vốn góp nước ngoài trong liên doanh không vượt quá 51%. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế ¹¹ . (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế ¹² , ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | Các thiết bị mang vào Việt Nam phải tuân thủ các quy định liên quan của Việt Nam về quản lý xuất nhập khẩu, tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật, an ninh quốc gia, cơ sở hạ tầng viễn thông quốc gia và tuân thủ các điều khoản pháp luật liên quan về cấp phép viễn thông cũng như giấy phép sử dụng thiết bị truyền thanh và tần số. |
| F. Các dịch vụ kinh doanh khác | | | | |
| (a) | Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được thành lập liên doanh hoặc tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác Việt Nam đã được phép kinh doanh dịch vụ quảng cáo. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | Việc quảng cáo rượu phải tuân thủ các quy định của Nhà nước được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử. |

⁹ Không bao gồm thiết bị khai thác mỏ và thiết bị dân khoan; các thiết bị viễn thông; truyền hình và truyền thanh thương mại.

¹⁰ Không bao gồm thiết bị khai thác mỏ và thiết bị dân khoan; các thiết bị viễn thông; truyền hình và truyền thanh thương mại.

¹¹ Không bao gồm thiết bị khai thác mỏ và thiết bị dân khoan; các thiết bị viễn thông; truyền hình và truyền thanh thương mại.

¹² Không bao gồm thiết bị khai thác mỏ và thiết bị dân khoan; các thiết bị viễn thông; truyền hình và truyền thanh thương mại.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|--|--|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| (b) Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ 86402) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Cho phép thành lập liên doanh trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | |
| (c) Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865) | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. Cho phép thành lập chi nhánh. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường hợp chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| (d) Dịch vụ liên quan đến tư vấn quản lý - CPC 866, trừ CPC 86602 - Dịch vụ trọng tài và hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân (CPC 86602**) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. Cho phép thành lập chi nhánh. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường hợp chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | | |
|---|--|-----------------------------|---|-------------------------|---|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| (e) | Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải) | (1) | Chưa cam kết. | (1) | Không hạn chế. |
| | | (2) | Không hạn chế. | (2) | Không hạn chế. |
| | | (3) | Không hạn chế, ngoại trừ sau 3 năm kể từ khi Việt Nam cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân được tham gia kinh doanh dịch vụ mà trước đó không có sự cạnh tranh của khu vực tư nhân do các dịch vụ này được cung cấp để thực hiện thẩm quyền của chính phủ, cho phép thành lập liên doanh trong đó không hạn chế vốn nước ngoài. Sau 5 năm kể từ khi cho phép các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân được tham gia kinh doanh dịch vụ này: không hạn chế. | (3) | Không hạn chế. |
| | | (4) | Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. Vì lý do an ninh quốc gia, việc tiếp cận một số khu vực địa lý có thể bị hạn chế. | (4) | Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. |
| (f) | Dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, săn bắn và lâm nghiệp (CPC 881) ¹³ | (1) | Không hạn chế. | (1) | Không hạn chế. |
| | | (2) | Không hạn chế. | (2) | Không hạn chế. |
| | | (3) | Không hạn chế, ngoại trừ: Chỉ cho phép thành lập liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh. Phần vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. | (3) | Không hạn chế, ngoại trừ: Việc tiếp cận một số khu vực địa lý nhất định có thể bị hạn chế. ¹⁴ |
| | | (4) | Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) | Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. |

¹³ Không cam kết đối với các dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và săn bắn, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, dịch vụ chụp ảnh hàng không, gieo hạt và phun thuốc hóa chất bằng máy bay, quản lý quỹ gien cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp. Để làm rõ nội dung cam kết, dịch vụ chăn nuôi và phát triển nguồn giống là thuộc phạm vi cam kết.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|--|---|-----------------|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung | |
| (h) Dịch vụ liên quan đến khai thác mỏ (CPC 883) | | | | |
| <p>1. Cam kết tại phần này không bao gồm các hoạt động sau: cung ứng vật tư, thiết bị và hoá phẩm, dịch vụ cần cẩu, dịch vụ tàu thuyền, dịch vụ sinh hoạt, đời sống, dịch vụ bay.</p> <p>2. Cam kết tại phần này không ảnh hưởng tới quyền của Chính phủ Việt Nam trong việc đưa ra các quy định và thủ tục cần thiết để quản lý các hoạt động có liên quan tới dầu và khí trong phạm vi lãnh thổ hoặc quyền tài phán của Việt Nam phù hợp với các quyền và nghĩa vụ của Việt Nam theo GATS.</p> | <p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ: các công ty không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ: Cho phép thành lập liên doanh với tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51%. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | <p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường.</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | | |

¹⁴ Để làm rõ hơn nội dung cam kết, hạn chế này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì lý do an ninh quốc gia và trật tự công cộng phù hợp với Điều XIV và XIV bis của GATS.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|---|--|--|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung | |
| (l) Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884 và 885) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Chỉ cho phép thành lập liên doanh trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 50%. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. | | |
| (m) Dịch vụ liên quan đến tư vấn khoa học kỹ thuật ¹⁵ (chỉ đối với CPC 86751, 86752 và 86753) | (1) Không hạn chế, ngoại trừ các công ty không có hiện diện thương mại tại Việt Nam có thể phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Cho phép thành lập liên doanh với tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51%. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |

¹⁵ Việc cung cấp dịch vụ liên quan đến đánh giá từ lương, khảo sát, thăm dò và khai thác phải tuân thủ quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện của thể nhân

| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | | Hạn chế đối xử quốc gia | | Cam kết bổ sung |
|--|--|--|--|--------------------------------|--|---|
| (n) | Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Cho phép thành lập liên doanh với tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 51%. Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại cột tiếp cận thị trường. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | | |
| 2. CÁC DỊCH VỤ THÔNG TIN | | | | | | |
| B. Các dịch vụ chuyên phát (CPC 7512***) | | | | | | |
| * Dịch vụ chuyên phát nhanh ¹⁶ , tức là dịch vụ gồm thu gom, chia chọn, vận chuyển và phát trong nước hoặc quốc tế: | | | | | | |
| (a) | Thông tin dưới dạng văn bản ¹⁷ , thể hiện trên bất kỳ hình thức vật lý nào, bao gồm cả: - dịch vụ có lai ghép (hybrid mail service); - thông tin quảng cáo trực tiếp (direct mail). | (1) Không hạn chế. ¹⁸ (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | | Dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác sẽ được dành cho sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho Bưu chính Việt Nam hoặc các công ty con của Bưu chính Việt Nam đối với các hoạt động cạnh tranh. |
| Trừ việc xử lý các vật gửi là thông tin dưới dạng văn bản có giá cước dịch vụ thấp hơn: | | | | | | |

¹⁶ Các dịch vụ chuyên phát nhanh có thể bao gồm, ngoài yếu tố tốc độ xử lý nhanh hơn và độ tin cậy cao hơn, các yếu tố gia tăng giá trị như thu gom tận tay người gửi, phát tận tay người nhận, truy tìm và định vị, khả năng thay đổi nơi nhận và địa chỉ nhận trong khi đang vận chuyển, báo phát.

¹⁷ Thông tin dưới dạng văn bản bao gồm thư tín, bưu thiếp, văn bản viết tay, hoặc ấn phẩm như sách, báo, ấn phẩm định kỳ, tạp chí, hoặc các chứng từ thương mại như hóa đơn, quảng cáo/báo giá, v.v.

¹⁸ Việc cung cấp dịch vụ qua biên giới có thể được thực hiện thông qua sự liên kết với một nhà cung cấp dịch vụ trong nước đối với các khâu thu gom và phát.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|--|-----------------------------|-------------------------|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| <ul style="list-style-type: none"> - 10 lần giá cước của một bức thư tiêu chuẩn gửi trong nước ở mức khối lượng đầu tiên - 9 Đô-la Mỹ (USD) khi gửi quốc tế; <p>với điều kiện tổng khối lượng của các vật phẩm này không quá 2000 gam.¹⁸</p> <p>(b) KIỆN¹⁸ và các hàng hóa khác.</p> <p>* Xứ lý các vật phẩm không ghi địa chỉ người nhận (non-addressed items).</p> | | | |

C. Dịch vụ viễn thông

Các cam kết dưới đây phù hợp với “Thông báo về việc đưa ra các cam kết về dịch vụ viễn thông cơ bản” (S/GBT/W/2/REV.1) và “Thông báo về Hạn chế tiếp cận thị trường liên quan đến độ khả dụng của phổ tần” (S/GBT/W/3). Để phục vụ các cam kết này, một “nhà cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng” có nghĩa là nhà cung cấp không sở hữu dung lượng truyền dẫn nhưng hợp đồng thuê dung lượng từ nhà khai thác, sở hữu dung lượng đó, bao gồm cả dung lượng cấp quang biển. Kể cả trên cơ sở dài hạn. Một nhà cung cấp không có hạ tầng mạng được phép sở hữu các trang thiết bị viễn thông trong phạm vi trụ sở hoạt động của mình và tại các điểm cung cấp dịch vụ công cộng được cho phép (POP).

¹⁸ Phần này bao gồm cả sách và ca-ta-lô (catalogues).

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|--|--|---------------------------|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| <p>(a) Các dịch vụ viễn thông cơ bản (CPC 7521)</p> <p>(b) Dịch vụ truyền số liệu chuyên mạch gói (CPC 7523**)</p> <p>(c) Dịch vụ truyền số liệu chuyên mạch kênh (CPC 7523**)</p> <p>(d) Dịch vụ Telex (CPC 7523**)</p> <p>(e) Dịch vụ Telegraph (CPC 7523**)</p> <p>(f) Dịch vụ Facsimile (CPC 7521** + 7529**)</p> <p>(g) Dịch vụ thuê kênh riêng (CPC 7522** + 7523**)</p> | <p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Dịch vụ hữu tuyến và thi động mới đăc:</i> Dịch vụ phải được cung cấp thông qua toà thuận thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có toà thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> | <p>(1) Không hạn chế.</p> | <p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản Tham chiếu gửi kèm theo.</p> <p>Với các tuyên cấp quang biên công-xooc-xi-om mà Việt Nam là một thành viên sở hữu, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sẽ được phép kiểm soát dung lượng truyền dẫn cấp quang biên toàn chủ (nghĩa là quyền sử dụng không tách rời IRU hay dạng sở hữu công-xooc-xi-om) kết cuối tại một trạm cấp bờ được cấp phép tại Việt Nam, và cung cấp dung lượng đó cho các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế có hạ tầng mạng được cấp phép tại Việt Nam, các nhà cung cấp dịch vụ VPN quốc tế và IXP quốc tế được cấp phép tại Việt Nam.</p> |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|--|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| (o*) Các dịch vụ khác: - Dịch vụ hội nghị truyền hình (CPC 75292) - Dịch vụ truyền dẫn tín hiệu video trừ truyền quảng bá ²⁰ - Các dịch vụ thông tin vô tuyến, bao gồm: + Dịch vụ thoại di động (gồm đi động mặt đất và vệ tinh) + Dịch vụ số liệu di động (gồm đi động mặt đất và vệ tinh) + Dịch vụ nhân tin + Dịch vụ PCS + Dịch vụ trung kế vô tuyến - Dịch vụ kết nối Internet (IXP) ²¹ | - Các khách hàng kinh doanh ngoài biên, các cơ quan chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự; các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất. - Các công ty đa quốc gia ²² đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất. | | |
| | (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: <i>Các dịch vụ không có hạ tầng mạng:</i> Cho phép liên doanh và tự do chọn đối tác. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không vượt quá 65% vốn pháp định của liên doanh. <i>Các dịch vụ có hạ tầng mạng:</i> Cho phép liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không vượt quá 49% vốn pháp định | (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | |

²⁰ Truyền quảng bá là một chuỗi truyền dẫn liên tục cần thiết cho việc quảng bá các tín hiệu chương trình phát thanh và truyền hình tới công chúng, nhưng không bao gồm các truyền truyền dẫn giữa các nhà khai thác.

²¹ Các dịch vụ cung cấp đường kết nối giữa các nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (IAS) này và với mạng trực Internet quốc tế.

²² Một công ty đa quốc gia là công ty a) có hiện diện thương mại ở Việt Nam; b) đang hoạt động ở ít nhất một Bên khác; c) đã đi vào hoạt động ít nhất 5 năm; d) có cổ phiếu niêm yết ở sàn giao dịch của một Bên; và e) được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất ở ít nhất một Bên.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới | (2) Tiêu dùng ở nước ngoài | (3) Hiện diện thương mại | (4) Hiện diện của thể nhân |
|--|---|--|----------------------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường của liên doanh. | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p>51% là nắm quyền kiểm soát trong việc quản lý liên doanh.</p> <p>Trong ngành viễn thông, các nhà đầu tư nước ngoài tham gia các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) sẽ có thể ký mới thỏa thuận hiện tại hoặc chuyển sang hình thức hiện diện khác với những điều kiện không kèm thuận lợi hơn những điều kiện họ đang được hưởng.</p> | | |
| | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|--------------------------------|---|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| <p>Dịch vụ viễn thông cơ bản:</p> <p>(0*) Các dịch vụ viễn thông khác</p> <p>- Dịch vụ mạng riêng ảo (VPN)²³</p> | <p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Dịch vụ lưu tuyến và di động mất đất:</i> Dịch vụ phải được cung cấp thông qua thoả thuận thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thoả thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> <p>- Các khách hàng kinh doanh ngoài biển, các cơ quan chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự, các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất;</p> | <p>(1) Không hạn chế.</p> | <p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản tham chiếu gửi kèm theo.</p> <p>Với các tuyên cấp quang biến công-xooc-xi-om mà Việt Nam là một thành viên số hữu, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sẽ được phép kiểm soát dung lượng truyền dẫn cấp quang biến toàn chủ (nghĩa là quyền sử dụng không tách rời IRLU hay đang sở hữu công-xooc-xi-om) kết cuối tại một trạm cấp bỏ được cấp phép tại Việt Nam, và cung cấp dung lượng đó cho các nhà cung cấp dịch vụ quốc tế có hạ tầng mạng được cấp phép tại Việt Nam, các nhà cung cấp dịch vụ VPN quốc tế và IXP quốc tế được cấp phép tại Việt Nam.</p> |

²³ Các dịch vụ, được cung cấp trên cơ sở thương mại, gồm thiết lập và quản lý một mạng dùng riêng trên mạng công cộng (mạng dùng chung) để thiết lập liên lạc thoại và số liệu trên cơ sở phi nhuận giữa các thành viên của một nhóm sử dụng thiết bị được xác định từ trước khi thiết lập VPN. Nhóm sử dụng thiết bị đó có thể là các đơn vị trong một tập đoàn hoặc một tổ chức, hoặc một nhóm có quan hệ liên kết với nhau để cùng thực hiện lợi ích/mục tiêu chung. Các thành viên ban đầu của nhóm sử dụng thiết bị kín dùng dịch vụ VPN đó phải được liệt kê trong một kế hoạch quay số hoặc định tuyến do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và chịu sự giám sát. Các nhà cung cấp dịch vụ VPN phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền những thay đổi về thành viên ít nhất trước 2 tuần làm việc trước khi thực sự bắt đầu cung cấp dịch vụ VPN phải cấp dịch vụ nêu trong hai (2) tuần đó không có sự phân đôi của Cơ quan có thẩm quyền. Các thành viên không được phép bán lại các dịch vụ VPN cho một bên thứ ba không liên quan. Các mạng VPN không được truyền/chuyển tiếp lưu lượng của/giữa các bên thứ ba không liên kết. Các dịch vụ VPN có thể được các nhà khai thác dịch vụ có vốn đầu tư nước ngoài cung cấp trong một gói cùng với dịch vụ truy cập Internet và các dịch vụ giá trị gia tăng từ (h) đến (n).

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
|---|--|---|-------------------------|-----------------|
| | <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Các dịch vụ không có hạ tầng mạng:</i> Cho phép liên doanh và tự do chọn đối tác. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 70% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|---------------------------|---|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| <p>Các dịch vụ giá trị gia tăng</p> <p>(h) Thư điện tử (CPC 7523 **)</p> <p>(i) Thư thoại (CPC 7523 **)</p> <p>(j) Thông tin trực tuyến và truy cập lấy thông tin từ cơ sở dữ liệu (CPC 7523 **)</p> <p>(k) Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI) (CPC 7523 **)</p> <p>(l) Các dịch vụ facsimile gia tăng giá trị, bao gồm lưu trữ và chuyển, lưu trữ và khôi phục (CPC 7523 **)</p> <p>(m) Chuyên đổi mã và giao thức</p> <p>(n) Thông tin trực tuyến và xử lý dữ liệu (bao gồm xử lý giao dịch) (CPC 843 **)</p> | <p>(1) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Dịch vụ hữu tuyến và di động mất đất:</i> Dịch vụ phải được cung cấp thông qua nhà thầu thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thỏa thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khách hàng kinh doanh ngoài biên, các cơ quan Chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự, các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất. <p>- Các công ty đa quốc gia²² đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất.</p> | <p>(1) Không hạn chế.</p> | <p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản tham chiếu gửi kèm theo.</p> |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
|---|---|---|---|-----------------|
| | <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ:</p> <p><i>Các dịch vụ không có hạ tầng mạng:</i> Cho phép hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 65% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p><i>Các dịch vụ có hạ tầng mạng:</i> Cho phép hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 50% vốn pháp định của liên doanh.</p> <p>51% là nắm quyền kiểm soát trong việc quản lý liên doanh.</p> <p>Trong ngành viễn thông, các nhà đầu tư nước ngoài tham gia các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) sẽ có thể ký mới thỏa thuận hiện tại hoặc chuyển sang hình thức hiện diện khác với những điều kiện không kém thuận lợi hơn những điều kiện họ đang được hưởng.</p> | <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế.</p> | <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế.</p> | |
| | | <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|--------------------------------|---|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| <p>Các dịch vụ giá trị gia tăng</p> <p>(o) Dịch vụ khác</p> <p>- Dịch vụ Truy nhập Internet IAS²⁴</p> | <p>(1) Dịch vụ hữu tuyến và di động mặt đất: Không hạn chế, ngoại trừ: Dịch vụ phải được cung cấp thông qua thoả thuận thương mại với pháp nhân được thành lập tại Việt Nam và được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông quốc tế.</p> <p><i>Dịch vụ viễn thông vệ tinh:</i> Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải có thoả thuận thương mại với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh quốc tế Việt Nam được cấp phép, trừ trường hợp dịch vụ viễn thông vệ tinh cung cấp cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khách hàng kinh doanh ngoài biển, các cơ quan Chính phủ, các nhà cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các đài phát thanh và truyền hình, các văn phòng đại diện chính thức của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự, các khu phát triển phần mềm và khu công nghệ cao đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất. - Các công ty đa quốc gia²² đã được cấp phép sử dụng trạm vệ tinh mặt đất. | <p>(1) Không hạn chế.</p> | <p>Việt Nam cam kết thực hiện các nghĩa vụ nêu trong Bản tham chiếu gửi kèm theo.</p> |

²⁴ Các dịch vụ cung cấp truy nhập Internet cho các khách hàng đầu cuối.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiền dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|--|--|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| D. Dịch vụ nghệ nhìn | | | | |
| Đối với dịch vụ sản xuất, phát hành và chiếu phim, tất cả các phim phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam kiểm duyệt nội dung. | | | | |
| (a) Dịch vụ sản xuất phim (CPC 96112, trừ băng hình) | (1) Chưa cam kết. (2) Chưa cam kết. (3) Chi dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp các dịch vụ này tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Chưa cam kết. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Chưa cam kết. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|--|--|--|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung | |
| - Dịch vụ phát hành phim (CPC 96113, trừ băng hình) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chi dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp các dịch vụ này tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | | |
| (b) Dịch vụ chiếu phim (CPC 96121) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chi dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp các dịch vụ này tại Việt Nam. Phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 51% vốn pháp định của liên doanh. Các nhà văn hoá, các tụ điểm chiếu phim, câu lạc bộ và hiệp hội chiếu phim công cộng, các đội chiếu bóng lưu động của Việt Nam không được phép tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hay liên doanh với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| (e) Dịch vụ ghi âm | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| 3. DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT LIÊN QUAN | | | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|---|---|-----------------|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung | |
| A. Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường hợp chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam. | | |
| B. Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513) | Cho phép thành lập chi nhánh. | | | |
| C. Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516) | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| D. Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517) | | | | |
| E. Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518) | | | | |
| 4. DỊCH VỤ PHẦN PHỐI | | | | |
| Các biện pháp áp dụng cho toàn bộ các phân ngành trong dịch vụ phần phối: | | | | |
| Thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, được phẩm ²⁵ , thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải được loại trừ ra khỏi phạm vi cam kết. | | | | |

* Do thiếu tính khả thi về mặt kỹ thuật.

²⁵ Trong biểu cam kết này, “được phẩm” không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi được phẩm dưới dạng viên nén, viên con nhộng hoặc bột.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|--|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| A. Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, 61111, 6113, 6121) | (1) Chưa cam kết, ngoại trừ không hạn chế đối với: - phân phối các sản phẩm phục vụ nhu cầu cá nhân; - phân phối các chương trình phần mềm máy tính hợp pháp phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc vì mục đích thương mại. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Công ty có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phân phối sẽ được phép cung cấp dịch vụ đại lý hoa hồng, bán buôn và bán lẻ tất cả các sản phẩm sản xuất tại Việt Nam và nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam. Việc thành lập các cơ sở bán lẻ (ngoài cơ sở thứ nhất) sẽ được xem xét trên cơ sở kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) ²⁷ . | (1) Chưa cam kết, ngoại trừ các biện pháp đã nêu tại phương thức 1, cột tiếp cận thị trường. | |
| B. Dịch vụ bán buôn (CPC 622, 61111, 6113, 6121) | (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Công ty có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực phân phối sẽ được phép cung cấp dịch vụ đại lý hoa hồng, bán buôn và bán lẻ tất cả các sản phẩm sản xuất tại Việt Nam và nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam. Việc thành lập các cơ sở bán lẻ (ngoài cơ sở thứ nhất) sẽ được xem xét trên cơ sở kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) ²⁷ . | (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | |
| C. Dịch vụ bán lẻ (CPC 631 + 632, 61112, 6113, 6121) ²⁶ | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |

²⁶ Để làm rõ nội dung cam kết, cam kết này bao gồm cả hoạt động bán hàng đa cấp do các đại lý hoa hồng là cá nhân Việt Nam đã được đào tạo và cấp chứng chỉ phù hợp tiến hành. Các cá nhân này không thực hiện bán hàng tại các địa điểm cố định và nhận thù lao cho cả hoạt động bán hàng lần dịch vụ hỗ trợ bán hàng để góp phần tăng doanh số bán hàng của các nhà phân phối khác.

²⁷ Việc xin phép thành lập nhiều hơn một cơ sở bán lẻ phải tuân thủ quy trình đã có và được công bố công khai và việc cấp phép phải dựa trên các tiêu chí khách quan. Các tiêu chí chính để kiểm tra nhu cầu kinh tế là số lượng các nhà cung cấp dịch vụ đang hiện diện trong một khu vực địa lý, sự ổn định của thị trường và và quy mô địa lý.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|--|---|--|---|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| D. | Dịch vụ nhượng quyền thương mại (CPC 8929) | (1) (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. Cho phép thành lập chi nhánh. | (1) (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ trường chi nhánh phải là người thường trú tại Việt Nam. | |
| 5 DỊCH VỤ GIÁO DỤC | | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| Chỉ cam kết các lĩnh vực kỹ thuật, khoa học tự nhiên và công nghệ, quản trị kinh doanh và khoa học kinh doanh, kinh tế học, kế toán, luật quốc tế và đào tạo ngôn ngữ. Đối với các phân ngành (C), (D) và (E) dưới đây: Chương trình đào tạo phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam phê chuẩn. | | | | |
| B. | Dịch vụ giáo dục phổ thông cơ sở (CPC 922) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| C. | Giáo dục bậc cao (CPC 923) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Giáo viên nước ngoài làm việc tại các cơ sở đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài phải có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm giảng dạy và phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận về chuyên môn. | |
| D. | Giáo dục cho người lớn (CPC 924) | (3) Không hạn chế. | (3) | |
| E. | Các dịch vụ giáo dục khác (CPC 929 bao gồm đào tạo ngoại ngữ) | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| 6. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG | | | | |
| Vi lý do an ninh quốc gia, việc tiếp cận một số khu vực địa lý có thể bị hạn chế ²⁸ . | | | | |
| A. | Dịch vụ xử lý nước thải (CPC 9401) | (1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan. (2) Không hạn chế. (3) Không định rằng các dịch vụ được cung cấp để thực thi quyền hạn của Chính phủ như được quy định tại | (1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | Các công ty nước ngoài được phép kinh doanh ở Việt Nam dưới hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) và Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành (BTO). |

²⁸ Để làm rõ hơn nội dung cam kết, cam kết này cho phép duy trì hoặc áp dụng các hạn chế vì mục tiêu an ninh quốc gia, có thể biện minh được theo Điều XIV và XIV bis của GATS.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|--|---|--|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung | |
| | Điều I: 3(c) của GATS có thể được giao cho các công ty độc quyền công hoặc dành đặc quyền cho các nhà khai thác tư nhân. | | | |
| B. Dịch vụ xử lý rác thải (CPC 9402) ²⁹ | <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> <p>(1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan.</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ : Khẳng định rằng các dịch vụ được cung cấp để thực thi quyền hạn của Chính phủ như được quy định tại Điều I:3(c) của GATS có thể được giao cho các công ty độc quyền công hoặc dành đặc quyền cho các nhà khai thác tư nhân. Đề bao đảm phúc lợi công cộng, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài không được thu gom rác trực tiếp từ các hộ gia đình. Họ chỉ được phép cung cấp dịch vụ tại các điểm thu gom rác thải do chính quyền địa phương cấp tỉnh và thành phố chỉ định.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> <p>(1) Không hạn chế.</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế.</p> | <p>Các công ty nước ngoài được phép kinh doanh ở Việt Nam dưới hình thức Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) và Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành (BTO).</p> | |

²⁹ Theo luật, việc nhập khẩu chất thải là bị cấm. Việc xử lý và thải bỏ chất thải độc hại được pháp luật điều chỉnh.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|--|--|--|------------------------|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| D. Dịch vụ khác | | (1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Kháng định rằng các dịch vụ được cung cấp để thực thi quyền hạn của Chính phủ như được quy định tại Điều 1:3(c) của GATS có thể được giao cho các công ty độc quyền công hoặc dành đặc quyền cho các nhà khai thác tư nhân. | (1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ tư vấn có liên quan. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | |
| - Dịch vụ làm sạch khí thải (CPC 94040) và dịch vụ xử lý tiếng ồn (CPC 94050). | | (1) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| - Dịch vụ đánh giá tác động môi trường (CPC 94090*) | | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| 7. DỊCH VỤ TÀI CHÍNH | | | | |
| A. Bảo hiểm và các dịch vụ liên quan đến bảo hiểm | | (1) Không hạn chế đối với: | (1) Không hạn chế. | |
| a. Bảo hiểm gốc | | - Dịch vụ bảo hiểm cung cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; - Dịch vụ tái bảo hiểm; - Dịch vụ bảo hiểm vận tải quốc tế, bao gồm bảo hiểm cho các rủi ro liên quan tới: | | |
| (a) Bảo hiểm nhân thọ, trừ bảo hiểm y tế | | | | |
| (b) Bảo hiểm phi nhân thọ | | | | |
| b. Tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm | | + Vận tải biển quốc tế và vận tải hàng không thương mại quốc tế, với phạm vi bảo hiểm bao gồm bất kỳ hoặc toàn bộ các khoản mục sau: hàng hoá vận chuyển, phương tiện vận chuyển hàng hoá và bất kỳ trách nhiệm nào | | |
| c. Trung gian bảo hiểm (như môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm) | | | | |
| d. Dịch vụ hỗ trợ bảo hiểm (như tư | | | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|---|--|--|--|
| Ngành và phân ngành vấn, dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường) | Hạn chế tiếp cận thị trường phái sinh từ đó; và | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung | |
| | <ul style="list-style-type: none"> + Hàng hoá đang vận chuyển quá cảnh quốc tế. - Dịch vụ môi giới bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm; - Dịch vụ tư vấn, dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường. | | | |
| | (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. Cho phép doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài thành lập chi nhánh bảo hiểm phi nhân thọ, căn cứ vào các quy định quản lý thận trọng. | (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thẻ nhân | | | |
|---|--|---|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| B. Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác | | | |
| <p>Các cam kết về dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác được thực hiện phù hợp với các luật lệ và các qui định liên quan được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để đảm bảo sự phù hợp với Điều VI của GATS và Đoạn 2 (a) của Phụ lục về các Dịch vụ Tài chính.</p> <p>Theo quy định chung và trên cơ sở không phân biệt đối xử, việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ ngân hàng và tài chính khác phải tuân theo các yêu cầu về hình thức pháp lý và thẻ chế liên quan.</p> | | | |
| (a) Nhận tiền gửi và các khoản phải trả khác từ công chúng | (1) Chưa cam kết, trừ B(K) và B(I). (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: | (1) Chưa cam kết, trừ B(K) và B(I). (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: | |
| (b) Cho vay dưới tất cả các hình thức, bao gồm tín dụng tiêu dùng, tín dụng cầm cố thế chấp, bao thanh toán và tài trợ giao dịch thương mại | (a) Các tổ chức tín dụng nước ngoài chỉ được phép thành lập hiện diện thương mại tại Việt Nam dưới các hình thức sau: (i) Đối với các ngân hàng thương mại nước ngoài: văn phòng đại diện, chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài, ngân hàng thương mại liên doanh trong đó phần góp vốn của bên nước ngoài không vượt quá 50% vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, công ty cho thuê tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài, công ty tài chính liên doanh và công ty tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài, ngân hàng 100% vốn đầu tư nước ngoài. (ii) Đối với các công ty tài chính nước ngoài: văn phòng đại diện, công ty tài chính liên doanh, công ty tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty | (a) Các điều kiện để thành lập chi nhánh của một ngân hàng thương mại nước ngoài tại Việt Nam: - Ngân hàng mẹ có tổng tài sản có trên 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn. | |
| (c) Thuê mua tài chính | | | |
| (d) Mọi dịch vụ thanh toán và chuyển tiền, bao gồm thẻ tín dụng, thẻ thanh toán và thẻ nợ, séc du lịch và hối phiếu ngân hàng | | | |
| (e) Bảo lãnh và cam kết | | | |
| (f) Kinh doanh trên tài khoản của mình hoặc của khách hàng, tại sở giao dịch, trên thị trường giao dịch thoả thuận hoặc bằng cách khác như dưới đây: - Công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm séc, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi); - Ngoại hối; - Các công cụ tỷ giá và lãi suất, bao gồm các sản phẩm như hợp đồng hoán đổi, hợp đồng kỳ hạn; - Vàng khối. | | | |
| (h) Mọi giới tiền tệ | | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới | (2) Tiêu dùng ở nước ngoài | (3) Hiện diện thương mại | (4) Hiện diện của thể nhân |
|--|--|--|----------------------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| <p>(j) Quản lý tài sản, như quản lý tiền mặt hoặc danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tín thác</p> <p>(i) Các dịch vụ thanh toán và bù trừ tài sản tài chính, bao gồm chứng khoán, các sản phẩm phái sinh và các công cụ chuyển nhượng khác</p> <p>(k) Cung cấp và chuyển thông tin tài chính và xử lý dữ liệu tài chính cũng như các phần mềm liên quan của các nhà cung cấp các dịch vụ tài chính khác</p> <p>(l) Các dịch vụ tư vấn, trung gian môi giới và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác đối với tất cả các hoạt động được nêu từ các tiêu mục (a) đến (k), kể cả tham chiếu và phân tích tín dụng, nghiên cứu và tư vấn đầu tư và danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại và về tái cơ cấu và chiến lược doanh nghiệp</p> | <p>(i) Hạn chế tiếp cận thị trường cho thuê tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>(ii) Đối với các công ty cho thuê tài chính nước ngoài: văn phòng đại diện, công ty cho thuê tài chính liên doanh và công ty cho thuê tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>(b) Tham gia cổ phần:</p> <p>(i) Việt Nam có thể hạn chế việc tham gia cổ phần của các tổ chức tín dụng nước ngoài tại các ngân hàng thương mại quốc doanh của Việt Nam được cổ phần hoá như mức tham gia cổ phần của các ngân hàng Việt Nam.</p> <p>(ii) Đối với việc tham gia góp vốn dưới hình thức mua cổ phần, tổng số cổ phần do các thể nhân và pháp nhân nước ngoài nắm giữ tại mỗi ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam không được vượt quá 30% vốn điều lệ của ngân hàng, trừ khi luật pháp Việt Nam có qui định khác hoặc được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.</p> | <p>(b) Các điều kiện để thành lập một ngân hàng liên doanh hoặc một ngân hàng 100% vốn đầu tư nước ngoài:</p> <p>- Ngân hàng mẹ có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn.</p> | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p>(c) Chỉ nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - không được phép mở các điểm giao dịch khác ngoài trụ sở chi nhánh của mình. <p>(d) Các tổ chức tín dụng nước ngoài được phép phát hành thẻ tín dụng trên cơ sở đối xử quốc gia.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | <p>(c) Các điều kiện để thành lập một công ty tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc một công ty tài chính liên doanh, một công ty cho thuê tài chính 100% vốn đầu tư nước ngoài hoặc một công ty cho thuê tài chính liên doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tín dụng nước ngoài có tổng tài sản có trên 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm trước thời điểm nộp đơn. <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|--|---|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| C. Chứng khoán | | | | |
| (f) Giao dịch cho tài khoản của mình hoặc tài khoản của khách hàng tại sở giao dịch chứng khoán, thị trường giao dịch trực tiếp (OTC) hay các thị trường khác nhưng sản phẩm sau: | - Các công cụ phái sinh, bao gồm cả hợp đồng tương lai và hợp đồng quyền lựa chọn; | (1) Chưa cam kết, trừ các dịch vụ C (k) và C (l). | (1) Chưa cam kết. | |
| | - Các chứng khoán có thể chuyển nhượng; | (2) Không hạn chế. | (2) Không hạn chế. | |
| - Các công cụ có thể chuyển nhượng khác và các tài sản tài chính, trừ vàng khối. | (3) Ngay khi gia nhập, các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện và công ty liên doanh với đối tác Việt Nam trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 49%. | (3) Không hạn chế. | (3) Không hạn chế. | |
| (g) Tham gia vào các đợt phát hành mọi loại chứng khoán, bao gồm bảo lãnh phát hành, và làm đại lý bán (chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng), cung cấp các dịch vụ liên quan đến các đợt phát hành đó | Cho phép thành lập doanh nghiệp chứng khoán 100% vốn đầu tư nước ngoài. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| (i) Quản lý tài sản như quản lý danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, các dịch vụ lưu ký và tin tức | Đối với các dịch vụ từ C(i) tới C(l), cho phép các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài thành lập chi nhánh. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| (j) Các dịch vụ thanh toán và thanh toán bù trừ chứng khoán, các công cụ phái sinh và các sản phẩm liên quan đến chứng khoán khác | | | | |
| (k) Cung cấp và chuyển thông tin tài chính, các phần mềm liên quan của các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán | | | | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|------------------------------------|--------------------------------|------------------------|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết hộ sung | |
| (1) Tư vấn, trung gian và các dịch vụ phụ trợ liên quan đến chứng khoán, ngoại trừ các hoạt động tại tiểu mục (f), bao gồm tư vấn và nghiên cứu đầu tư, danh mục đầu tư, tư vấn về mua lại công ty, lập chiến lược và cơ cấu lại công ty. (Đối với các dịch vụ khác tại tiểu mục (1), tham chiếu tiểu mục (1) trong phần cam kết về dịch vụ ngân hàng) | | | | |

Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân

Ngành và phân ngành

Hạn chế tiếp cận thị trường

Hạn chế đối xử quốc gia

Cam kết bổ sung

8. DỊCH VỤ Y TẾ VÀ XÃ HỘI

- A. Dịch vụ bệnh viện (CPC 9311)
 B. Các dịch vụ nha khoa và khám bệnh (CPC 9312)

- (1) Không hạn chế.
 (2) Không hạn chế.
 (3) Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được cung cấp dịch vụ thông qua thành lập bệnh viện 100% vốn đầu tư nước ngoài, liên doanh với đối tác Việt Nam hoặc thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh.
 Vốn đầu tư tối thiểu cho một bệnh viện là 20 triệu đô la Mỹ, bệnh xá đa khoa (policlinic) là 2 triệu đô la Mỹ và cơ sở điều trị chuyên khoa là 200 nghìn đô la Mỹ.
 (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.

- (1) Không hạn chế.
 (2) Không hạn chế.
 (3) Không hạn chế.
 (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.

9. DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ LIÊN QUAN

- A. Khách sạn và nhà hàng bao gồm
 - Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn (CPC 64110)
 - Dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC 642) và dịch vụ cung cấp đồ uống tại chỗ (CPC 643)

- (1) Không hạn chế.
 (2) Không hạn chế.
 (3) Không hạn chế.
 (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.

- (1) Không hạn chế.
 (2) Không hạn chế.
 (3) Không hạn chế.
 (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới; (2) Tiêu dùng ở nước ngoài; (3) Hiện diện thương mại; (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|--|--|---|---|-----------------|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | |
| B. | Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch (CPC 7471) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, ngoại trừ: Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ dưới hình thức liên doanh với đối tác Việt Nam mà không bị hạn chế phần vốn góp của phía nước ngoài. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế, trừ hương dẫn viên du lịch trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải là công dân Việt Nam. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam. | Cam kết bổ sung |
| 10. DỊCH VỤ GIẢI TRÍ, VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO | | | | |
| A. | Dịch vụ giải trí (bao gồm nhà hát, nhạc sống và xiếc) (CPC 9619) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết, ngoại trừ cho phép thành lập liên doanh trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 49%. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| D. | Dịch vụ khác - Kinh doanh trò chơi điện tử (CPC 964**) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chỉ dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với đối tác Việt Nam đã được phép cung cấp dịch vụ này. Phần vốn góp của phía nước ngoài trong liên doanh không được vượt quá 49% vốn pháp định của liên doanh. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|---|---|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| 11. DỊCH VỤ VẬN TẢI | | | |
| A. Dịch vụ vận tải biển | | | |
| (a) Dịch vụ vận tải hành khách, trừ vận tải nội địa (CPC 7211) | (1) Chưa cam kết, ngoại trừ không hạn chế đối với vận tải hàng hóa quốc tế. (2) Không hạn chế. (3) (a) Thành lập các công ty vận hành đội tàu treo cờ Việt Nam: | (1) Chưa cam kết, ngoại trừ không hạn chế đối với vận tải hàng hóa quốc tế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | Các nhà cung cấp dịch vụ vận tải đường biển quốc tế được sử dụng các dịch vụ sau đây tại cảng dựa trên các điều kiện hợp lý và không phân biệt đối xử: 1. Hoa tiêu; 2. Lai dắt; 3. Cung cấp lương thực, thực phẩm nhiên liệu và nước; 4. Thu gom nước và nước dằn thải; 5. Dịch vụ của cảng vụ; 6. Phao tiêu báo hiệu; 7. Các dịch vụ trên bờ cần thiết cho hoạt động của tàu, bao gồm thông tin liên lạc, cung cấp điện và nước; 8. Trang thiết bị sửa chữa khẩn cấp; 9. Dịch vụ neo đậu, cập cầu và neo buồm tàu; 10. Tiếp cận các dịch vụ đại lý hàng hải. ³⁰ |
| (b) Dịch vụ vận tải hàng hóa, trừ vận tải nội địa (CPC 7212) | Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được phép thành lập liên doanh trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không vượt quá 49% vốn pháp định của liên doanh. Thuyền viên nước ngoài được phép làm việc trên các tàu biển treo cờ Việt Nam (hoặc được đăng ký ở Việt Nam) thuộc sở hữu của các doanh nghiệp liên doanh tại Việt Nam nhưng tổng số không vượt quá 1/3 định biên của tàu. Thuyền trưởng hoặc thuyền phó thứ nhất phải là công dân Việt Nam. | | |

³⁰ Đối với việc tiếp cận và sử dụng đại lý hàng hải được qui định trong cột Cam kết bổ sung, khi vận tải ven biển và trong đất liền, và các dịch vụ hỗ trợ liên quan không được quy định đầy đủ trong biểu cam kết thì người khai thác dịch vụ vận tải đa phương thức có thể tiếp cận các nhà cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải của Việt Nam để thuê xe tải, toa xe đường sắt, xà lan hoặc các thiết bị liên quan với mục đích giao nhận trong nội địa hàng hoá được vận chuyển bằng đường biển quốc tế.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|-------------------------|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| (b) | <p>Các hình thức hiện diện thương mại khác để cung cấp dịch vụ vận tải biển quốc tế³¹:</p> <p>Các công ty vận tải biển nước ngoài có thể thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện các hoạt động từ (1) tới (7) như mô tả dưới đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bán và tiếp thị dịch vụ vận tải biển qua giao dịch trực tiếp với khách hàng; từ niêm yết giá tới lập chứng từ; 2. Đại diện cho chủ hàng; 3. Cung cấp các thông tin kinh doanh theo yêu cầu; 4. Chuẩn bị tài liệu liên quan tới chứng từ vận tải bao gồm chứng từ hải quan hoặc các chứng từ khác liên quan đến xuất xứ và đặc tính của hàng vận chuyển; 5. Cung cấp dịch vụ vận tải biển bao gồm cả dịch vụ vận tải biển địa băng tàu mang cờ Việt Nam trong trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải tích hợp. | | |

³¹ "Các hình thức hiện diện thương mại khác để cung cấp các dịch vụ vận tải biển quốc tế" là khả năng để các công ty vận tải biển nước ngoài thực hiện các hoạt động ở Việt Nam liên quan tới hàng hóa do các công ty đó vận chuyển và cần thiết để cung cấp dịch vụ vận tải tích hợp cho khách hàng của họ, trong đó vận tải biển quốc tế là công đoạn chính và do công ty vận tải biển liên quan cung cấp.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | |
|---|---|--|-----------------|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| | <p>6. Thay mặt công ty tổ chức cho tàu vào cảng hoặc tiếp nhận hàng khi có yêu cầu.</p> <p>7. Đàm phán và ký hợp đồng vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa liên quan tới hàng hóa do công ty vận chuyển.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| Các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển | <p>(1) Chưa cam kết.</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ có thể thành lập liên doanh trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không quá 50%.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | <p>(1) Chưa cam kết.</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | |
| - Dịch vụ xếp dỡ công-ten-no (CPC 7411) ³² | | | |
| - Dịch vụ thông quan ³³ | <p>(1) Chưa cam kết.*</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế, ngoại trừ cho phép thành lập liên doanh trong đó không hạn chế phần vốn sở hữu của phía nước ngoài.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | <p>(1) Chưa cam kết.</p> <p>(2) Không hạn chế.</p> <p>(3) Không hạn chế.</p> <p>(4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung.</p> | |

³² Có thể dành riêng một số khu vực để cung cấp các dịch vụ công hoặc áp dụng thủ tục cấp phép tại các khu vực này.

³³ "Dịch vụ thông quan" (hay "dịch vụ môi giới hải quan") là các hoạt động bao gồm việc thay mặt một bên khác thực hiện các thủ tục hải quan liên quan tới xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa, dù dịch vụ này là hoạt động chính hay chỉ là một phần bổ sung thông thường trong hoạt động chính của nhà cung cấp dịch vụ.

* Cam kết ở phương thức này không khả thi.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | Cam kết bổ sung | |
|---|---|--|--|-------------------------|--|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | | Hạn chế đối xử quốc gia | |
| - | Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ ³⁴ | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| B. Dịch vụ vận tải đường thủy nội địa | | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ thông qua việc thành lập liên doanh với đối tác Việt Nam trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 49% tổng vốn pháp định. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (a) | Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7221) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ thông qua việc thành lập liên doanh với đối tác Việt Nam trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 49% tổng vốn pháp định. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (b) | Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7222) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chỉ được phép cung cấp dịch vụ thông qua việc thành lập liên doanh với đối tác Việt Nam trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 49% tổng vốn pháp định. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| C. Dịch vụ vận tải hàng không | | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Các hãng hàng không nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ tại Việt Nam thông qua văn phòng bán vé của mình hoặc các đại lý tại Việt Nam. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (a) | Dịch vụ bán và tiếp thị sản phẩm hàng không | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Các hãng hàng không nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ tại Việt Nam thông qua văn phòng bán vé của mình hoặc các đại lý tại Việt Nam. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |

³⁴ “Dịch vụ kho bãi công-ten-nơ” là các hoạt động bao gồm lưu kho công-ten-nơ, dù ở khu vực cảng hay trong nội địa, nhằm chất hàng vào/dỡ hàng ra, sửa chữa và chuẩn bị công-ten-nơ sẵn sàng cho việc gửi hàng.

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|--|---|--|------------------------|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| (b) | Dịch vụ đất, giữ chỗ bằng máy tính | (1) Không hạn chế, ngoại trừ nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài phải sử dụng mạng viễn thông công cộng dưới sự quản lý của nhà chức trách viễn thông Việt Nam. (2) Không hạn chế, trừ biện pháp đã nêu tại Phương thức 1. (3) Không hạn chế, trừ biện pháp đã nêu tại Phương thức 1. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| (c) | Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa máy bay (CPC 8868**) | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Cho phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| E. | Dịch vụ vận tải đường sắt | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết, ngoại trừ: các nhà cung cấp nước ngoài được cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa thông qua việc thành lập liên doanh với đối tác Việt Nam trong đó phần vốn góp của phía nước ngoài không được vượt quá 49% tổng vốn pháp định. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | |
| (a) | Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7111) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. | |
| (b) | Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7112) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chưa cam kết. | |

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | | |
|---|--|--|---|---|-----------------|
| Ngành và phân ngành | | Hạn chế tiếp cận thị trường | | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung |
| F. Dịch vụ vận tải đường bộ | | | | | |
| (a) | Dịch vụ vận tải hành khách (CPC 7121+7122) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | |
| (b) | Dịch vụ vận tải hàng hóa (CPC 7123) | (3) Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài được cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa và vận tải hành khách thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không quá 49%. | | | |
| H. Dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải | | | | | |
| (a) | Dịch vụ xếp dỡ công-ten-nơ, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay (một phần của CPC 7411) | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Chỉ cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài cung cấp dịch vụ thông qua liên doanh với đối tác Việt Nam trong đó tỷ lệ vốn góp của phía nước ngoài không quá 50%. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. | |
| (4) | Chưa cam kết, từ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, từ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, từ các cam kết chung. | (4) Chưa cam kết, từ các cam kết chung. | |

³⁵ Trong số các tiêu chí để xem xét, có thể sử dụng các tiêu chí: khả năng tạo công ăn việc làm; khả năng tạo ngoại tệ; khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến, bao gồm cả kỹ năng quản lý; khả năng giám sát ô nhiễm công nghiệp; đào tạo nghề cho công nhân Việt Nam; v.v...

| Phương thức cung cấp: (1) Cung cấp qua biên giới (2) Tiêu dùng ở nước ngoài (3) Hiện diện thương mại (4) Hiện diện của thể nhân | | | | |
|---|---|---|-----------------|--|
| Ngành và phân ngành | Hạn chế tiếp cận thị trường | Hạn chế đối xử quốc gia | Cam kết bổ sung | |
| (b) Dịch vụ kho bãi (CPC 742) (c) Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748) ³⁶ | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |
| (d) Các dịch vụ khác (một phần của CPC 749) ³⁷ | (1) Chưa cam kết, trừ dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa: không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ thông qua thành lập liên doanh với đối tác Việt Nam. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | (1) Chưa cam kết, trừ dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa: không hạn chế. (2) Không hạn chế. (3) Không hạn chế. (4) Chưa cam kết, trừ các cam kết chung. | | |

³⁶ Bao gồm cả dịch vụ giao nhận hàng hoá. Các dịch vụ này bao gồm các hoạt động tổ chức và điều hành các hoạt động chuyên chở hàng hoá thay mặt người gửi hàng thông qua việc tìm kiếm dịch vụ vận tải và các dịch vụ liên quan, chuẩn bị chứng từ và cung cấp thông tin kinh doanh.

* Cam kết ở phương thức này không khả thi.

³⁷ Bao gồm các hoạt động sau: kiểm tra vận đơn; dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa; giám định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; giám định hàng hóa; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. Các dịch vụ này được thực hiện thay mặt cho chủ hàng.

Tài liệu Tham chiếu

Phạm vi

Các định nghĩa và nguyên tắc sau được áp dụng cho khung khổ quản lý Nhà nước đối với các dịch vụ viễn thông cơ bản.

Định nghĩa

Người sử dụng là những người thụ dịch vụ và những người cung cấp dịch vụ.

Trang thiết bị thiết yếu là các trang thiết bị của một mạng lưới hay dịch vụ truyền dẫn viễn thông mà:

- (a) do một hoặc một số lượng hạn chế các nhà cung cấp cung cấp trên cơ sở độc quyền hoặc chi phối.
- (b) không thể thiếu được cả về mặt kỹ thuật và kinh tế trong việc cung cấp dịch vụ.

Nhà cung cấp chính là nhà cung cấp có khả năng tác động về mặt vật chất tới các điều khoản về tham gia (liên quan tới giá cả và cung cấp) trong thị trường dịch vụ viễn thông cơ bản có liên quan dưới hình thức:

- (a) kiểm soát các trang thiết bị thiết yếu; hoặc
- (b) có vị thế đáng kể trên thị trường.

1. Bảo vệ cạnh tranh

1.1 Tránh các hành vi phi cạnh tranh trong viễn thông

Các biện pháp phù hợp phải được thực hiện nhằm mục đích ngăn cản các nhà cung cấp chính, riêng rẽ hoặc tập hợp, trong việc tham gia vào hoặc tiếp diễn các hành vi phi cạnh tranh.

1.2 Bảo vệ

Các hành vi phi cạnh tranh nêu ở phần trên bao gồm cụ thể như sau:

- (a) tham gia vào việc trợ giá chéo mang tính phi cạnh tranh;
- (b) sử dụng các thông tin thu được từ các đối thủ cạnh tranh với mục đích phi cạnh tranh; và
- (c) không cung cấp cho các nhà cung cấp khác các thông tin kịp thời về kỹ thuật liên quan đến các trang thiết bị thiết yếu và các thông tin liên quan về thương mại mà những thông tin này cần thiết cho các nhà cung cấp khác để có thể cung cấp dịch vụ.

2 Kết nối

2.1 Phần này áp dụng cho việc kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ hoặc mạng truyền dẫn viễn thông công cộng nhằm cho phép một nhà cung cấp có thể giao tiếp được với các khách hàng của một nhà cung cấp khác và với các dịch vụ truy cập của một nhà cung cấp khác, nếu trong cam kết chi tiết có nêu ra.

2.2 Đàm bảo và Kết nối

Kết nối với một nhà khai thác chính cần được bảo đảm tại mỗi điểm của mạng lưới nếu kỹ thuật cho phép. Việc kết nối này được thực hiện:

- (a) theo các điều khoản, điều kiện về không phân biệt đối xử (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật) và mức cước phí và chất lượng không được kém hơn mức cước phí và chất lượng cung cấp cho các dịch vụ tương ứng của nhà cung cấp chính, hoặc các các dịch vụ tương ứng của các nhà cung cấp không liên kết, hoặc cho các chi nhánh của nhà cung cấp chính, hoặc các thành viên liên kết khác.
- (b) theo các điều khoản, điều kiện hợp thời (gồm các tiêu chuẩn và chỉ tiêu kỹ thuật) và mức lệ phí tính dựa trên chi phí và minh bạch, hợp lý, trong đó có tính tới tính khả thi về kinh tế và đã bóc tách chi phí phù hợp để một nhà cung cấp không phải trả cho những thành tố hoặc trang thiết bị mạng lưới mà nhà cung cấp này không dùng đến khi cung cấp dịch vụ.
- (c) khi được yêu cầu và tại các điểm ngoài các điểm kết cuối mạng nhằm phục vụ cho đa số người sử dụng, và với mức lệ phí phản ánh chi phí xây dựng các trang thiết bị bổ sung cần thiết.

2.3 Công bố công khai các thủ tục về Đàm phán kết nối

Các thủ tục áp dụng cho kết nối vào một nhà cung cấp chính phải được công bố công khai.

2.4 Công khai minh bạch về các Thỏa thuận Kết nối

Cần đàm bảo sao cho một nhà cung cấp chính phải công bố các thỏa thuận về kết nối của mình hoặc một mẫu thỏa thuận về kết nối mang tính tham khảo.

2.5 Kết nối: Giải quyết tranh chấp

Một nhà cung cấp dịch vụ có yêu cầu kết nối với một nhà cung cấp chính có thể khiếu nại:

- (a) tại bất kỳ thời điểm nào, hoặc

(b) sau một khoảng thời gian hợp lý được công bố công khai với một cơ quan độc lập của nước sở tại, mà có thể là cơ quan quản lý nhà nước như đã đề cập ở đoạn 5 ở trên, để giải quyết các tranh chấp về các điều khoản, điều kiện và lệ phí kết nối trong một khoảng thời gian hợp lý, để đạt tới một mức độ mà các điều khoản, điều kiện và lệ phí này trước kia chưa được xác lập.

3. Dịch vụ phổ cập

Bất kỳ Bên nào đều có quyền xác định ra nghĩa vụ cung cấp dịch vụ phổ cập mà mình muốn duy trì. Các nghĩa vụ như vậy tự chúng không bị coi là phi cạnh tranh, với điều kiện chúng được quản lý một cách minh bạch, không phân biệt đối xử, trung lập về cạnh tranh và không được phiên hà hơn mức cần thiết mà Bên đó đã xác định đối với dịch vụ phổ cập.

4. Công bố công khai các tiêu chí cấp phép

Nếu có yêu cầu về cấp phép, những thông tin sau cần được công bố công khai:

- (a) mọi tiêu chí cấp phép và khoảng thời gian thông thường cần thiết để thụ lý hồ sơ cấp phép; và
 - (b) các điều khoản, điều kiện đối với từng giấy phép cụ thể.
- Các lý do từ chối cấp phép cần được báo cho bên nộp hồ sơ xin cấp phép nếu có yêu cầu.

5. Các cơ quan quản lý Nhà nước độc lập

Cơ quan quản lý Nhà nước phải là đơn vị tách riêng và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ một nhà cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản nào. Các quyết định và quy trình thủ tục mà các cơ quan quản lý Nhà nước sử dụng phải khách quan đối với tất cả các đối tượng tham gia vào thị trường.

6. Phân bổ và sử dụng các nguồn quỹ hiến

Bất kỳ quy trình thủ tục áp dụng cho việc phân bổ và sử dụng các nguồn quỹ hiến, bao gồm tần số vô tuyến, kho số và các quyền đi dây (right of way), đều phải được tiến hành một cách khách quan, kịp thời, minh bạch và không phân biệt đối xử. Hiện trạng phân bổ các băng tần vô tuyến phải được công bố công khai, tuy nhiên chi tiết về các tần số phân bổ cho mục đích sử dụng đặc biệt của chính phủ thì không cần thiết phải công bố.

DANH MỤC MIỄN TRỪ ĐỐI XỬ TỐI HƯỆ QUỐC THEO ĐIỀU 8.3

| Ngành/Phân ngành | Mô tả biện pháp (được áp dụng trong các ngành), chỉ rõ sự không phù hợp Điều 8.3 | Các nước được áp dụng | Thời hạn áp dụng | Hoàn cảnh phát sinh nhu cầu phải có miễn trừ Đối xử Tối huệ quốc (MFN) |
|---|--|--|-------------------------|--|
| Tất cả các ngành Hiện diện thương mại. | Dành các biện pháp đối xử ưu đãi theo các Hiệp định đầu tư song phương. | Tất cả các nước đã ký hiệp định đầu tư song phương với Việt Nam | Không thời hạn | Thực đây đầu tư vào Việt Nam. |
| Dịch vụ nghe nhìn - Sản xuất, phát hành và chiếu các chương trình truyền hình và tác phẩm điện ảnh. | Các biện pháp dựa vào các thoả thuận về hợp tác sản xuất các tác phẩm nghe nhìn, trong đó dành Đối xử quốc gia cho các tác phẩm nghe nhìn thuộc phạm vi các thoả thuận đó. | Các Thành viên WTO có hiệp định song phương hoặc nhiều bên trong hiện tại hoặc trong tương lai về hợp tác văn hoá. | Không thời hạn | Mục tiêu của các hiệp định này là thúc đẩy hợp tác văn hoá giữa các nước tham gia. |
| Dịch vụ nghe nhìn - Sản xuất và phát hành các chương trình truyền hình và tác phẩm điện ảnh. | Các biện pháp thực hiện các chương trình hỗ trợ cho các tác phẩm nghe nhìn và các nhà cung cấp tác phẩm đó đáp ứng các tiêu chí xuất xứ. | Các Thành viên WTO đã ký hiệp định song phương hoặc nhiều bên trong lĩnh vực hợp tác văn hoá. | Không thời hạn | Các chương trình này nhằm mục đích bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các nước mà Việt Nam có quan hệ văn hóa lâu dài. |
| Dịch vụ nghe nhìn - Sản xuất và phát hành các tác phẩm nghệ nhìn thông qua truyền phát sóng tới công chúng. | Các biện pháp dành Đối xử quốc gia đối với các tác phẩm nghệ nhìn đáp ứng một số tiêu chí xuất xứ liên quan đến việc tiếp cận truyền phát sóng. | Các Thành viên WTO đã ký hiệp định song phương hoặc nhiều bên trong lĩnh vực hợp tác văn hoá. | Không thời hạn | Các biện pháp này nhằm mục đích phát huy các giá trị văn hóa trong lĩnh vực này ở cả Việt Nam và các nước khác, bao gồm cả các nước trong khu vực. |
| Dịch vụ vận tải biển. | Các biện pháp dựa trên những thoả thuận về các hoạt động kinh doanh thông thường của các công ty con thuộc sở hữu toàn bộ của các hãng tàu nước ngoài. | Tất cả các Thành viên WTO mà Việt Nam mong muốn có hợp tác vận tải biển. | 5 năm | Các Hiệp định song phương. |
| Dịch vụ vận tải biển : - Vận chuyển hàng hóa bằng xe tải trong nội địa; - Kho và lưu kho hàng hoá; và - Trạm làm hàng container. | Cả ba phân ngành được ưu đãi theo Hiệp định hàng hải giữa Việt Nam và Singapore. | Cộng hoà Singapore. | 10 năm | Hiệp định song phương. |